

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Khái niệm nào dưới đây là quy tắc xử sự chung về những việc được làm, những việc phải làm, những việc không được làm, những việc cấm đoán?

- A. Pháp luật. B. Đạo đức. C. Kinh tế. D. Chính trị.

Câu 2: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng

- A. tính tự giác của nhân dân. B. tiềm lực tài chính quốc gia.
C. quyền lực nhà nước. D. sức mạnh chuyên chính.

Câu 3: Pháp luật do chủ thể nào dưới đây ban hành?

- A. Do nhà nước ban hành. B. Do cơ quan, tổ chức ban hành.
C. Do cá nhân ban hành. D. Do địa phương ban hành.

Câu 4: Luật Giao thông đường bộ quy định tất cả mọi người tham gia giao thông phải chấp hành chỉ dẫn của tín hiệu đèn giao thông là thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến. B. Tính thống nhất.
C. Tính nghiêm minh. D. Tính xác định chặt chẽ về hình thức

Câu 5: Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc trưng nào dưới đây của pháp luật?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung. B. Tính công khai.
C. Tính dân chủ. D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 6 : Văn bản đòi hỏi diễn đạt phải chính xác, một nghĩa để công dân hiểu và thực hiện đúng pháp luật là phản ánh đặc trưng cơ bản nào?

- A. Tính quyền lực, bắt buộc chung . B. Tính xác định chặt chẽ về nội dung.
C. Tính xác định chặt chẽ về hình thức. D. Tính quy phạm phổ biến.

Câu 7: Đặc trưng nào của pháp luật là quy tắc xử sự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội?

- A. Tính xác định chặt chẽ về nội dung. B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.
C. Tính quy phạm phổ biến. D. Tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 8: Bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội phản ánh bản chất nào dưới đây của pháp luật ?

- A. Giai cấp. B. Xã hội. C. Bắt buộc chung D. Nhân văn

Câu 9: Nhờ chị S có hiểu biết về pháp luật nên tranh chấp về đất đai giữa gia đình chị với gia đình anh P đã được giải quyết ổn thỏa. Trường hợp này cho thấy pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

- A. Bảo vệ quyền và tài sản của công dân.
B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
C. Bảo vệ quyền dân chủ của công dân.
D. Bảo vệ quyền tham gia và quản lý xã hội.

Câu 10: Việc xây dựng tủ sách pháp luật trong nhà trường nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Phổ biến pháp luật. B. Thực hiện pháp luật.
C. Sửa đổi pháp luật. D. Ban hành pháp luật.
quy phạm phổ biến. B. Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

Câu 11: Quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức là

A. thực hiện pháp luật.

C. tư vấn pháp luật.

B. phổ biến pháp luật.

D. giáo dục pháp luật.

Câu 12: Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm là

A. sử dụng pháp luật B. thi hành pháp luật C. tuân thủ pháp luật D. áp dụng pháp luật

Câu 13: Cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm là thực hiện pháp luật theo hình thức

A. sử dụng pháp luật B. tuân thủ pháp luật C. áp dụng pháp luật D. thi hành pháp luật

Câu 14: Cơ quan công chức nhà nước có thẩm quyền ra quyết định xử lý người vi phạm pháp luật là hình thức

A. áp dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. sử dụng pháp luật. D. tuân thủ pháp luật.

Câu 15: Công dân không làm những điều mà pháp luật cấm là

A. sử dụng pháp luật.

B. tuân thủ pháp luật.

C. vận dụng chính sách.

D. thực hiện chính sách,

Câu 16: Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

A. Tuân thủ pháp luật.

B. Sử dụng pháp luật.

C. Áp dụng pháp luật.

D. Thi hành pháp luật.

Câu 17: Hành vi nào dưới đây là thực hiện pháp luật?

A. Vượt qua ngã ba, ngã tư khi có tín hiệu đèn đỏ

B. Đi xe hàng hai, hàng ba cản trở các phương tiện khác

C. Lạng lách, đánh võng chờ hàng công kênh.

D. Nhường đường cho các phương tiện được quyền ưu tiên.

Câu 18 : Ông A là người có thu nhập cao, hằng năm ông A chủ động đến cơ quan thuế để nộp thuế thu nhập cá nhân. Trong trường hợp này, ông A đã

A. sử dụng pháp luật. B. thi hành pháp luật. C. áp dụng pháp luật. D. tuân thủ pháp luật.

Câu 19: Bà H lấn chiếm vỉa hè để buôn bán, hành vi này sẽ bị xử phạt vi phạm

A. hành chính.

B. kỉ luật.

C. hình sự.

D. dân sự.

Câu 20: Người vi phạm pháp luật, gây thiệt hại về tài sản của người khác thì phải chịu trách nhiệm pháp luật nào dưới đây?

A. Hình sự.

B. Kỉ luật.

C. Dân sự.

D. Hành chính.

Câu 21 : Một hành vi được coi là vi phạm pháp luật phải có đủ mấy điều kiện?

A. 3.

B. 5.

C. 4.

D. 6.

Câu 22: Theo quy định của pháp luật, học sinh đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi được phép lái xe có dung tích xi lanh bao nhiêu?

A. Dưới 50cm³.

B. Từ 50cm³-70cm³.

C. 90 cm³.

D. 110 cm³.

Câu 23: Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm

A. pháp lí.

B. liên đới.

C. hòa giải.

D. điều tra.

Câu 24: Sinh viên T điều khiển xe mô tô phóng nhanh vượt ẩu đâm vào người đi đường khiến họ tử vong thì phải chịu trách nhiệm pháp lí nào dưới đây?

A. Hình sự, dân sự.

B. Dân sự, hành chính.

C. Hành chính kỷ luật.

D. Kỉ luật, hình sự.

Câu 25: Ông A xây nhà, đổ vật liệu trên hè phố làm ảnh hưởng đến trật tự giao thông nên đã bị thanh tra giao thông xử phạt. Hành vi của ông A đã vi phạm

A. kỷ luật.

B. hành chính.

C. dân sự.

D. hình sự.

Câu 26: Mặc dù biết mình bị nhiễm HIV, nhưng ông A vẫn cố ý lây truyền HIV cho người khác. Hành vi này của ông A thuộc loại vi phạm pháp luật nào sau đây?

- A. Kỉ luật. B. Hình sự. C. Hành chính. D. Dân sự.

Câu 27: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới quan hệ nào dưới đây?

- A. Lao động và việc làm. B. Tài sản và nhân thân.
C. Xã hội và kinh tế. D. Kinh tế và lao động.

Câu 28: Trách nhiệm pháp lý được áp dụng nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Cắt giảm nguồn vốn viện trợ.
B. Kiểm chế những việc làm trái pháp luật.
C. Ổn định ngân sách quốc gia.
D. Đồng loạt xử phạt mọi cơ sở tư nhân.

Câu 29: Người chưa thành niên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là những người?

- A. Đủ từ 14 tuổi trở lên đến 16 tuổi. B. Đủ từ 14 tuổi trở lên đến 18 tuổi.
C. Đủ từ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi. D. Đủ từ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 18 tuổi

Câu 30: M đang học lớp 9 (15 tuổi), do yêu đương với N (22 tuổi) nên có thai, Ủy ban nhân dân xã không cho đăng ký kết hôn, nhưng gia đình N muốn tổ chức đám cưới. Hỏi trong trường hợp này ai là người phải chịu trách nhiệm hình sự?

- A. N và gia đình. B. N. C. M. D. M và N.

Câu 31: Ở hình thức thực hiện pháp luật nào thì chủ thể có thể thực hiện hoặc không thực hiện quyền được pháp luật cho phép theo ý chí của mình mà không bị ép buộc phải thực hiện?

- A. Tuân thủ pháp luật. B. Thi hành pháp luật. C. Sử dụng pháp luật. D. Áp dụng pháp luật.

Câu 32: Hình thức phạt tiền, phạt cảnh cáo... khi xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước được áp dụng với người có hành vi?

- A. Vi phạm hành chính. B. Vi phạm hình sự C. Vi phạm dân sự. D. Vi phạm kỉ luật.

Câu 33: Theo quy định của pháp luật hình sự, người có trách nhiệm pháp lý phải đạt độ tuổi?

- A. Từ 16 tuổi trở lên. B. Đủ 16 tuổi trở lên. C. Từ 18 tuổi trở lên. D. Đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 34: Nội dung nào dưới đây là nghĩa vụ của người sản xuất kinh doanh?

- A. Giải quyết việc làm cho lao động địa phương.
B. Kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy phép kinh doanh.
C. Đảm bảo đầy đủ điều kiện vật chất cho người lao động.
D. Xóa đói giảm nghèo ở địa phương.

Câu 35: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi

- A. cơ quan và trường học. B. gia đình và xã hội.
C. dòng họ và địa phương. D. đồng nghiệp và hàng xóm.

Câu 36: Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình dựa trên cơ sở nguyên tắc nào sau đây?

- A. Dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
B. Tự do, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
C. Công bằng, lắng nghe, kính trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
D. Chia sẻ, đồng thuận, quan tâm lẫn nhau, không phân biệt đối xử.

Câu 37: Để giao kết hợp đồng lao động với công ty B, anh Linh cần phải tuân thủ vào nguyên tắc nào?

- A. Tự do, tự nguyện, bình đẳng. B. Dân chủ, công bằng, văn minh.
C. Tích cực, chủ động, hội nhập. D. Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm.

Câu 38: Công dân tự do sử dụng sức lao động của mình trong việc tìm kiếm, lựa chọn việc làm là thể hiện nội dung bình đẳng về

- A. quyền tự do lao động. B. công bằng trong lao động.
C. hợp đồng lao động. D. thực hiện quyền lao động.

Câu 39: Công ty Q kinh doanh thêm cả bánh kẹo, trong khi giấy phép kinh doanh là quần áo trẻ em. Công ty Q đã vi phạm nội dung nào dưới đây theo quy định của pháp luật?

- A. Tự chủ kinh doanh.
- B. Chủ động lựa chọn ngành, nghề kinh doanh.
- C. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng kí.
- D. Mở rộng thị trường, quy mô kinh doanh.

Câu 40: Tài sản của vợ, chồng được thừa kế riêng, được tặng riêng trong thời kì hôn nhân được gọi là tài sản

- A. thừa kế của con.
- B. bố mẹ cho con.
- C. chung của vợ và chồng.
- D. riêng của vợ hoặc chồng.

Câu 41: Trường hợp nào sau đây là tài sản chung?

- A. Những thu nhập hợp pháp được vợ chồng tạo ra trong thời kì hôn nhân.
- B. Tài sản được thừa kế riêng, tặng, cho riêng trong thời kì hôn nhân.
- C. Tài sản mà mỗi người có được trước khi kết hôn.
- D. Tài sản được chia riêng cho vợ, chồng trong thời kì hôn nhân.

Câu 42: Quan hệ nào dưới đây thể hiện bình đẳng giữa vợ và chồng ?

- A. Quan hệ giữa tài sản chung và tài sản riêng.
- B. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.
- C. Quan hệ kinh tế và quan hệ tài sản
- D. Quan hệ kinh tế và quan hệ đạo đức.

Câu 43: Bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm; tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các điều kiện lao động khác là nói về bình đẳng

- A. trong giao kết hợp đồng lao động.
- B. trong thực hiện quyền lao động.
- C. giữa lao động nam và lao động nữ.
- D. trong tự do lựa chọn việc làm.

Câu 44: Anh A có nhiều phát minh, sáng kiến mang lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp nên được tăng lương trước thời hạn. Anh A đã thực hiện nội dung nào dưới đây của quyền bình đẳng trong lao động ?

- A. Quyết định mức lương và phụ cấp chức vụ.
- B. Lựa chọn nghề nghiệp và nơi làm việc.
- C. Tự chủ giao kết hợp đồng lao động.
- D. Ưu đãi người có trình độ chuyên môn cao.

Câu 45: T thường xuyên nghỉ học không có lí do. Tìm hiểu nguyên nhân, được biết là do gần tết nguyên đán nên bố mẹ bạn T sản xuất rượu giả để bán kiếm lời và bắt T nghỉ học để tham gia. Hành vi đó của bố mẹ bạn T đã vi phạm quyền bình đẳng trong những lĩnh vực nào dưới đây?

- A. Học tập, hôn nhân và gia đình.
- B. Hình sự, hôn nhân và gia đình.
- C. Hành chính, hôn nhân và gia đình.
- D. Lao động, hôn nhân và gia đình

Câu 46: Nội dung nào dưới đây thể hiện bình đẳng giữa anh chị em?

- A. Phân biệt đối xử giữa anh chị em trong gia đình.
- B. Có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn và hiếu thảo với cha, mẹ.
- C. Đùm bọc, nuôi dưỡng nhau khi không còn cha mẹ.
- D. Anh trai phải chịu trách nhiệm chính trong gia đình.

Câu 47: Sau khi kết hôn với anh G (20 tuổi), chị L (18 tuổi) quyết định học thêm để lấy bằng Đại học nhưng anh G không cho phép, nhiều lần ngăn cản. Mẹ anh G cho rằng, con gái đã lấy chồng rồi thì không được phép đi học nữa, bà bắt chị L ở nhà để sinh con. Những ai dưới đây vi phạm nội dung quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình?

- A. Anh G và chị L.
- B. Mẹ anh G và anh G.
- C. Mẹ anh G
- D. Anh G.

Câu 48: Nhà nước có chính sách học bổng và ưu tiên con em đồng bào dân tộc vào học các trường Đại học, điều này thể hiện sự bình đẳng về

- A. tự do tín ngưỡng.
- B. chính trị.
- C. kinh tế.
- D. văn hóa, giáo dục.

Câu 49: Nhà nước ban hành các chương trình, chính sách phát triển kinh tế (134, 135) ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và miền núi thể hiện sự bình đẳng về.

- A. Văn hóa. B. kinh tế. C. chính trị. D. xã hội.

Câu 50: Nhà nước luôn quan tâm hỗ trợ vốn đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn là thể hiện nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. truyền thông. B. tín ngưỡng.
C. tôn giáo. D. kinh tế.

Câu 51: Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, văn hoá tốt đẹp, văn hoá các dân tộc được bảo tồn và phát huy là thể hiện bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế. B. văn hóa. C. chính trị. D. phong tục.

Câu 52: Việc bảo đảm tỉ lệ thích hợp người dân tộc thiểu số trong các cơ quan quyền lực nhà nước thể hiện quyền bình đẳng

- A. giữa các dân tộc. B. giữa các công dân.
C. giữa các vùng, miền. D. trong công việc chung của nhà nước.

Câu 53: Công dân Việt Nam thuộc các dân tộc khác nhau khi đủ điều kiện mà pháp luật quy định đều có quyền bầu cử và ứng cử, quyền này thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế. B. chính trị.
C. văn hóa, giáo dục. D. xã hội.

Câu 54: Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi kì thị và chia rẽ giữa các dân tộc. Mọi hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc đều bị xử lí nghiêm minh. Điều này nhằm đảm bảo

- A. quyền bình đẳng giữa các dân tộc.
B. quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.
C. quyền bình đẳng giữa các quốc gia.
D. quyền bình đẳng giữa các dân tộc thiểu số.

Câu 55: Ngày 15 tháng 11 năm 2005 UNESCO công nhận không gian văn hóa Cồng Chiêng Tây Nguyên là kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể của nhân loại thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc ở lĩnh vực nào?

- A. Quyền bình đẳng về kinh tế.
B. Quyền bình đẳng về chính trị.
C. Quyền bình đẳng về Văn hóa, Giáo dục.
D. Quyền bình đẳng về An ninh Quốc phòng.

Câu 56: Trường Đại học X quy định sinh viên là người dân tộc thiểu số không được giao tiếp với nhau bằng tiếng dân tộc của mình. Trường hợp này, Trường Đại học X đã vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. tự do ngôn luận. B. tự do giao tiếp. C. văn hóa, giáo dục. D. Giáo dục, chính trị.

Câu 57: N là người dân tộc thiểu số được cộng 1.5 điểm ưu tiên trong xét tuyển vào đại học. Điều này thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc về

- A. kinh tế. B. chính trị.
C. văn hóa, giáo dục. D. xã hội.

Câu 58: Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi kì thị và chia rẽ giữa các dân tộc. Mọi hành vi vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc đều bị xử lí nghiêm minh. Điều này nhằm đảm bảo

- A. quyền bình đẳng giữa các dân tộc C. quyền bình đẳng giữa các quốc gia
B. quyền bình đẳng giữa các tôn giáo D. quyền bình đẳng giữa các dân tộc thiểu số.

Câu 59: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc ở nước ta là các dân tộc phải được đảm bảo quyền

- A. bình đẳng. B. tự do. C. và nghĩa vụ. D. phát triển.

Câu 60: Cùng với tiếng phổ thông, các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình là thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực

- A. văn hóa – giáo dục. B. tín ngưỡng. C. tôn giáo. D. Chính trị.